



TÀI LIỆU

THAM KHẢO CƠ SỞ DỮ LIỆU

THOMSON REUTERS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH



Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Tài chính

■ Các hướng nghiên cứu

■ Các khóa đào tạo

■ Dịch vụ nghiên cứu

✉ info.cefr@uel.edu.vn

☎ 028-37244555 (Ext . 6671,6675)



Các hướng nghiên cứu

- Chất lượng tăng trưởng, liên kết kinh tế vùng và tác động lan tỏa tăng trưởng
- Các yếu tố quyết định TFP và tác động lan tỏa TFP trong cộng đồng doanh nghiệp
- Các chiều cạnh của phát triển con người ở các quốc gia đang phát triển
- Tác động của biến đổi khí hậu lên sinh kế người dân và lên an ninh lương thực
- Các lực đẩy di cư, khả năng tiếp cận các nguồn lực và chất lượng sống của người di cư
- Biến động dân số và nguồn nhân lực trong thế giới hội nhập
- Cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính của cá nhân và doanh nghiệp
- Quản lý danh mục đầu tư và định giá tài sản
- Ước lượng lạm phát kì vọng dựa trên số liệu điều tra
- Đánh giá hiệu quả của sáp nhập và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Hiệu quả và quản trị rủi ro tài chính, các định chế tài chính
- Phân tích hiệu quả thu chi ngân sách, đầu tư công và nợ công



Các khóa đào tạo

- Kinh tế lượng cơ bản và nâng cao
- Tài chính định lượng
- Kinh tế phát triển nâng cao định lượng
- Phương pháp phân tích nghèo đa chiều
- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế
- Kỹ năng khai thác, phân tích, xử lý số liệu
- Kỹ năng sử dụng Stata, SPSS, Eviews, R trong nghiên cứu kinh tế

Dịch vụ nghiên cứu

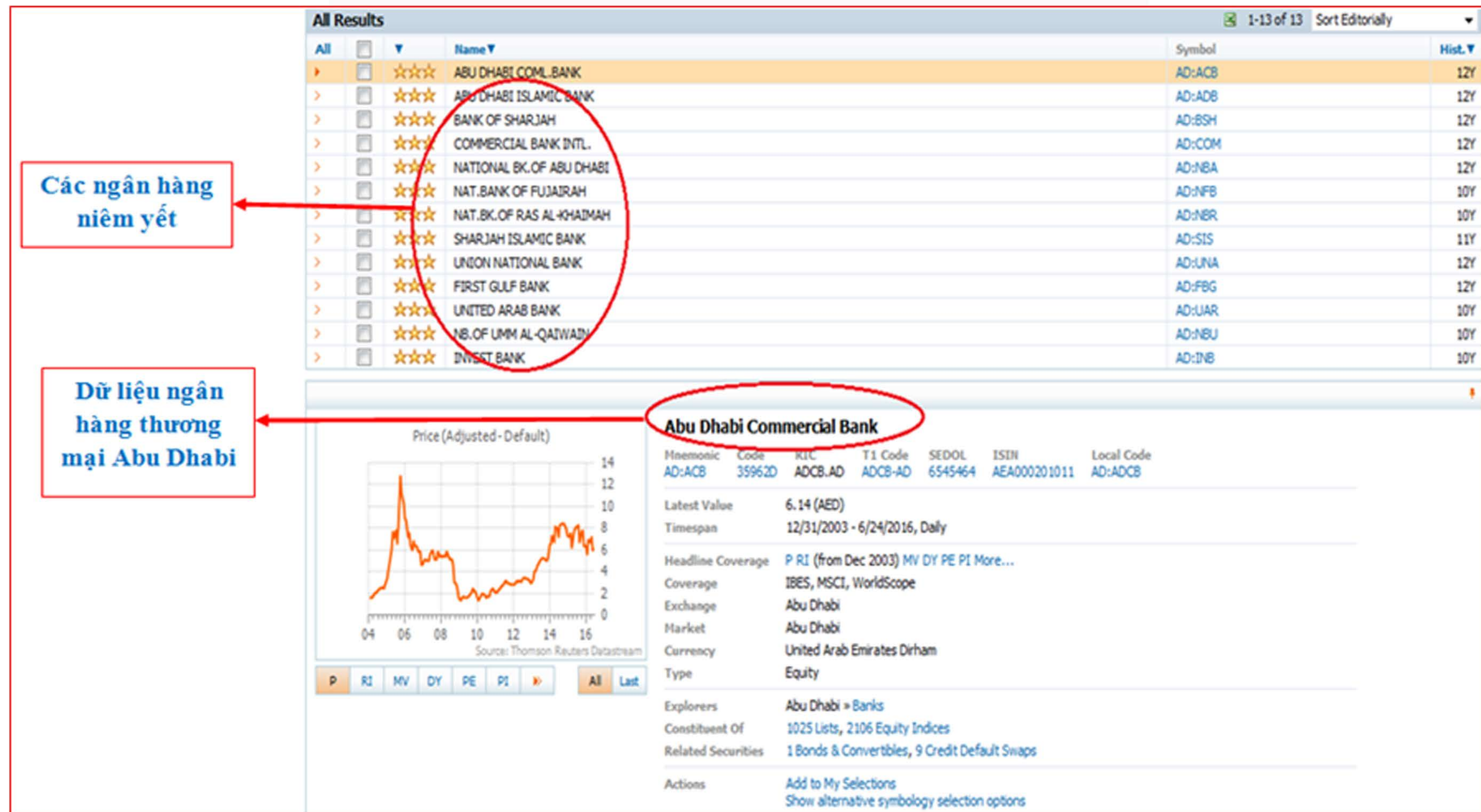
- Chính sách phát triển và quản trị tài chính
- Tư vấn chọn mẫu, thiết kế bảng hỏi và điều tra
- Tư vấn các nguồn số liệu khác nhau phục vụ cho nghiên cứu
- Tư vấn phương pháp khai thác, xử lý và phân tích số liệu
- Cung cấp dữ liệu và hỗ trợ sinh viên thực hiện các nghiên cứu
- Thực hiện các module thực hành phân tích dữ liệu cho các môn học



01	Dữ liệu Equities	2	05	Dữ liệu Commodities	24
02	Dữ liệu Economics	4	06	Exchange Rates	51
03	Dữ liệu Equity Indices	17	07	Interest Rates	58
04	Dữ liệu Credit Default Swaps (CDS)	18	08	Bond Indices	66

- » Abu Dhabi
- » Argentina
- » Australia
- » Austria
- » Azerbaijan
- » Bahamas
- » Bahrain
- » Bangladesh
- » Barbados
- » Belgium
- » Bermuda
- » Bolivia
- » Bosnia and Herzegovina
- » Botswana
- » Brazil
- » Bulgaria

- ☐ ▼ Banks [13]
- ☐ ▼ Construction & Materials [12]
- ☐ ▼ Financial Services (Sector) [1]
- ☐ ▼ Food & Drug Retailers [1]
- ☐ ▼ Food Producers [4]
- ☐ ▼ Gas, Water & Multiutilities [2]
- ☐ ▼ General Retailers [1]
- ☐ ▼ Health Care Equipment & Services [1]
- ☐ ▼ Industrial Engineering [1]
- ☐ ▼ Industrial Transportation [1]
- ☐ ▼ Life Insurance [2]
- ☐ ▼ Mobile Telecommunications [1]
- ☐ ▼ Nonlife Insurance [15]
- ☐ ▼ Pharmaceuticals & Biotechnology [1]
- ☐ ▼ Real Estate Investment & Services [3]
- ☐ ▼ Real Estate Investment Trusts [1]
- ☐ ▼ Travel & Leisure [3]
- ☐ ▼ Unclassified [2]



Mục Banks xuất hiện toàn bộ các ngân hàng niêm yết của quốc gia Abu Dhabi

- » Key Indicators by Country
- » Key Indicators by Economic Category
- » Thomson Reuters International Comparable Economics (TRICE)
- » Reuters News Indicators
- » Reuters Polls
- » Point in Time (use with datatypes)
- » National Sources
- » International Historical Sources
- » International Forecasts & Surveys
- » International Industry Associations
- » International Business & Governance Indicators

Phân loại theo các nội dung

Thông tin về dữ liệu
được truy xuất

Dữ liệu lịch
sử

Thời điểm cập
nhật hiện tại

Dạng cập nhật

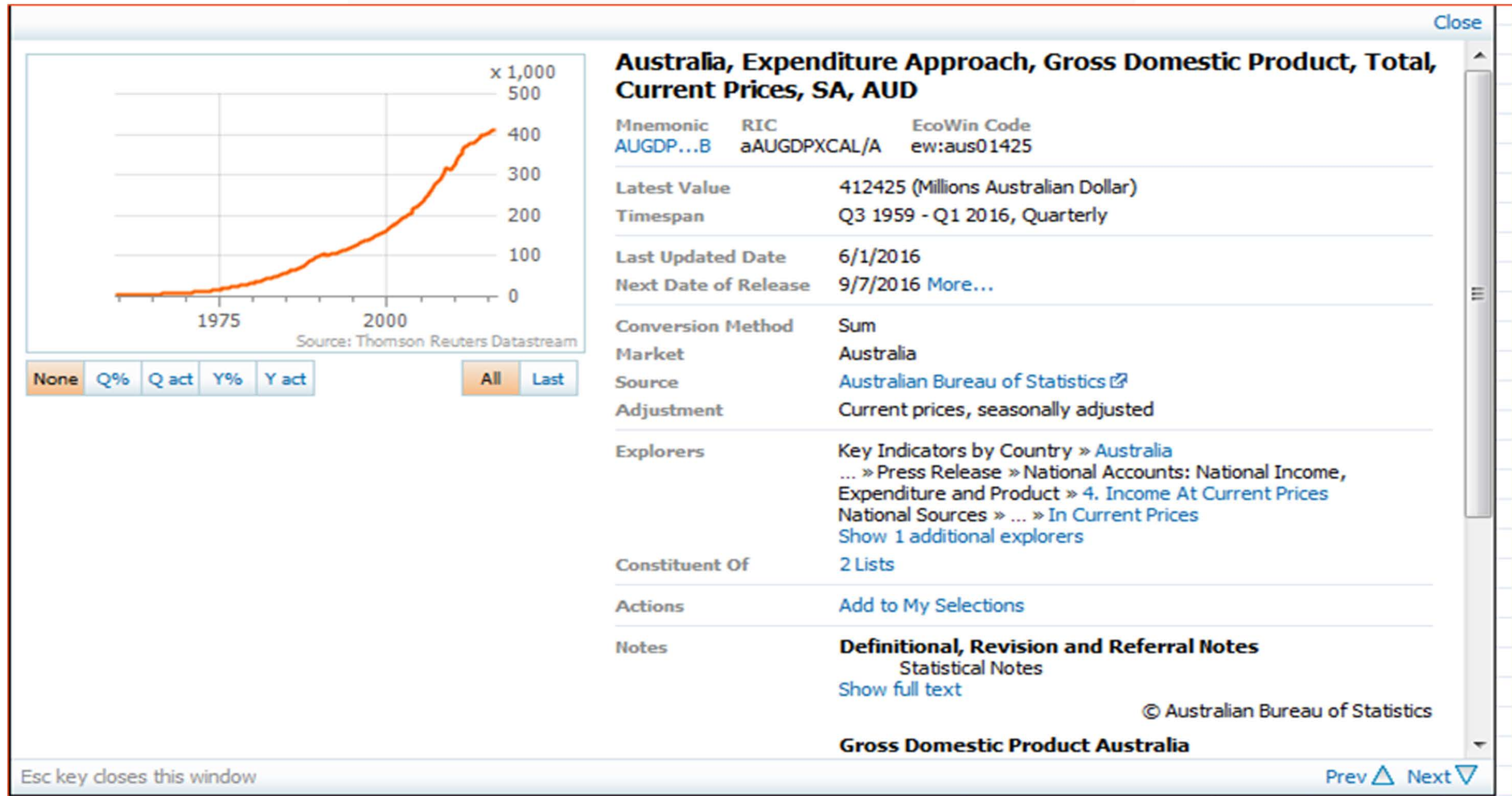
Key Indicator List Australia (List of MAI/KEY) (filter...)

1-91 of 101 Sort Editorially

All		Name	Symbol	Hist.	End Date	Freq
>	☆☆☆	GROSS NATIONAL INCOME (SA)	AUGNI...B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	REAL GROSS NATIONAL INCOME (CVM)	AUGNI...D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	GDP	AUGDP...B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	GDP (CVM)	AUGDP...D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	GDP (TREND, CVM)	AUGDP...T	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	FINAL CONSUMPTION EXPENDITURE - HOUSEHOLD (SA)	AUCNPER.B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	FINAL CONSUMPTION EXPENDITURE: HOUSEHOLDS (CVM)	AUCNPER.D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	FINAL CONSUMPTION EXPENDITURE - GENERAL GOVERNMENT (SA)	AUCNGOV.B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	FINAL CONSUMPTION EXPENDITURE: GENERAL GOVERNMENT (CVM)	AUCNGOV.D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	GFCF (SA)	AUGFCF..B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	GROSS FIXED CAPITAL FORMATION (CVM)	AUGFCF..D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	CHANGES IN INVENTORIES (SA)	AUINVCH.B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	CHANGES IN INVENTORIES (CVM)	AUINVCH.D	41Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	EXPORTS FOB - GOODS & SERVICES	AUEXNGS.B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	EXPORTS FOB - GOODS & SERVICES (CVM)	AUEXNGS.D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	IMPORTS FOB - GOODS & SERVICES	AUIMNGS.B	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	IMPORTS FOB - GOODS & SERVICES (CVM)	AUIMNGS.D	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	IPG OF GDP	AUGDPIPOE	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	BOP: CURRENT ACCOUNT BALANCE	AUCURBALB	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	BOP: GOODS - CREDITS	AUEXPBOPB	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	BOP: GOODS - DEBITS	AUIMPBOPB	56Y	Q1 2016	Q
>	☆☆☆	BOP: GOODS - BALANCE	AUVISBOPB	56Y	Q1 2016	Q

Một số kết quả truy xuất dữ liệu từ quốc gia Australia:

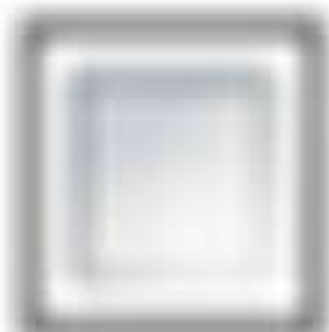
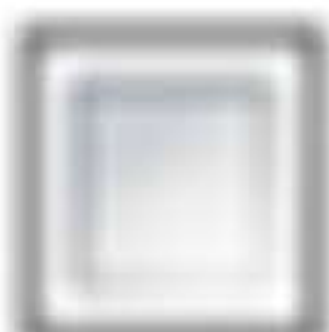
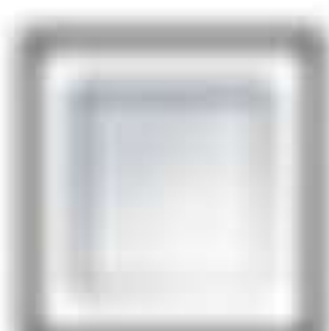
Người sử dụng cũng có thể xem thêm thông tin chi tiết nội dung dữ liệu cần truy xuất. Ví dụ:



- » Surveys & Cyclical Indexes
- » National Accounts
- » Money & Finance
- » Prices
- » Labour Market
- » Consumer Sector
- » Industry Sector
- » Government Sector
- » External Sector

Phân loại theo các chủ đề

2.1 Surveys & Cyclical Indexes

-  ▼ Consumer Surveys [50]
-  ▼ Business Surveys [48]
-  ▼ Cyclical & Activity Indexes [30]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ GDP by Expenditure [138]
- ☐ ▼ Personal Consumption [120]
- ☐ ▼ Government Consumption [119]
- ☐ ▼ Incomes [48]
- ☐ ▼ Investment/Capital Formation [124]
- ☐ ▼ Changes in Stocks [97]
- ☐ ▼ GDP Deflators [70]
- ☐ ▼ Exports [119]
- ☐ ▼ Imports [118]

Phân loại theo các nhóm

2.3 Money & Finance

- ☐ ▼ Money Supply M0 [85]
- ☐ ▼ Money Supply M1 [113]
- ☐ ▼ Money Supply M2 [120]
- ☐ ▼ Money Supply M3 [76]
- ☐ ▼ Money Supply M4 [8]
- ☐ ▼ Money Supply Narrow [69]
- ☐ ▼ Money Supply Broad [71]
- ☐ ▼ Bank Lending to Private Sector [51]
- ☐ ▼ Policy Interest Rate [130]
- ☐ ▼ Short Term Market Interest Rates [93]
- ☐ ▼ Bank Lending Rate [58]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Consumer Prices/Inflation [135]
- ☐ ▼ Core Consumer Prices/Inflation [41]
- ☐ ▼ Harmonised Consumer Prices/Inflation [27]
- ☐ ▼ Annual Inflation Rate [44]
- ☐ ▼ Producer Prices [84]
- ☐ ▼ Export Price Indices [53]
- ☐ ▼ Import Price Indices [58]
- ☐ ▼ Terms of Trade [49]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Total Employment - Labour Force [90]
- ☐ ▼ Employment [26]
- ☐ ▼ Unemployment Level [81]
- ☐ ▼ Unemployment Rate [85]
- ☐ ▼ Job Vacancies [34]
- ☐ ▼ Wages [74]
- ☐ ▼ Wages in Manufacturing [46]

Phân loại theo các nhóm

2.6 Consumer Sector

- ☐ ▼ Personal Expenditures [120]
- ☐ ▼ Retail Sales [61]
- ☐ ▼ Consumer Finance [39]
- ☐ ▼ Personal Savings [26]
- ☐ ▼ Personal Disposable Income [21]
- ☐ ▼ Wages & Earnings [74]
- ☐ ▼ Consumer Surveys [50]
- ☐ ▼ Consumer Prices/Inflation [135]
- ☐ ▼ Annual Inflation Rate [44]
- ☐ ▼ Population [90]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Industrial Production [91]
- ☐ ▼ Industrial Production - Manufacturing [66]
- ☐ ▼ New Orders [21]
- ☐ ▼ Productivity [23]
- ☐ ▼ Labour Costs [27]
- ☐ ▼ Capacity Utilisation [43]
- ☐ ▼ Corporate Accounts & Actions [13]
- ☐ ▼ Bankruptcies [23]
- ☐ ▼ Business Surveys [48]
- ☐ ▼ Producer Prices [84]
- ☐ ▼ Housing & Construction Detail [47]
- ☐ ▼ Automobiles & Transport Detail [60]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Government Surplus/Deficit [107]
- ☐ ▼ Government External Debt [100]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Exports [134]
- ☐ ▼ Imports [132]
- ☐ ▼ Foreign Trade Balance [110]
- ☐ ▼ Export Price Indexes [53]
- ☐ ▼ Import Price Indices [58]
- ☐ ▼ Terms of Trade [49]
- ☐ ▼ Balance of Payments - Current Account Balance [135]
- ☐ ▼ Balance of Payments - Capital & Financial Account Balance [117]
- ☐ ▼ Balance of Payments - Exports of Goods [126]
- ☐ ▼ Balance of Payments - Imports of Goods [127]

Phân loại theo các nhóm

Các mục chủ đề còn lại trong dữ liệu Economics phân loại theo các quốc gia và khu vực. Mọi người có thể tham khảo qua phần phụ lục.

- » By Market
- » By Source
- » By Sector
- » IBES Global Aggregates

Phân loại theo các nội dung

Các mục chủ đề còn lại trong dữ liệu Equity Indices phân loại theo nguồn cung cấp. Mọi người có thể tham khảo qua phần phụ lục.

- » Credit Default Swap Indices
- » Credit Default Swaps

Phân loại theo các nội dung

- » Datastream Thomson Reuters Indices
- » Datastream CMA Indices

Phân loại theo các chủ đề

1.1 Datastream Thomson Reuters Indices



Theo ngành (sector)

1.1 Datastream Thomson Reuters Indices

- ☐ ▼ Automotive Manufacturer [1]
- ☐ ▼ Banking [1]
- ☐ ▼ Beverage/Bottling [1]
- ☐ ▼ Building Products [1]
- ☐ ▼ Cable/Media [1]
- ☐ ▼ Chemicals [1]
- ☐ ▼ Conglomerate/Diversified Mfg [1]
- ☐ ▼ Electronics [1]
- ☐ ▼ Financial - Other [1]
- ☐ ▼ Leisure [1]
- ☐ ▼ Metals/Mining [1]
- ☐ ▼ Oil & Gas [1]
- ☐ ▼ Service - Other [1]
- ☐ ▼ Telecommunications [1]
- ☐ ▼ Utility Other [1]

Theo phân ngành (sub sector)

1.2 Datastream CMA Indices

- ☐ ▼ Financial Services Sector [1]
- ☐ ▼ Personal & Household Goods Sector [1]

Eurozone

- ☐ ▼ Chemicals Sector [1]
- ☐ ▼ Technology Sector [1]
- ☐ ▼ Utilities Sector [1]

Japan

- ☐ ▼ Real Estate Sector [1]

US

Phân loại theo khu vực

- » Sovereign CDS
- » Agency
- » Banks
- » Consumer Goods
- » Electric Power
- » Energy Company
- » Gas Distribution
- » Manufacturing
- » Official & Municipal
- » Other Financial
- » Service Company
- » Supranational
- » Telephone
- » Transportation

Phân loại theo ngành và thời gian

- » Commodity Benchmarks
- » Commodity Indices
- » CFTC (and proxy) Reports
- » Agriculture
- » Building Materials
- » Chemicals
- » Energy
- » Environmental
- » Fibres
- » Forest Products
- ☐ ▼ Freight [178]
 - » Gemstones
- ☐ ▼ Livestock [78]
 - » Metals
- ☐ ▼ MCI (Multi Commodity Exchange) [46]
 - » Semiconductors
- ☐ ▼ Strips [262]
- ☐ ▼ SHFE [116]
- ☐ ▼ Swaps [163]
- ☐ ▼ Water Reservoir [8]
 - » Platts Dispatch Restricted Content
 - » Metal Bulletin Restricted Content
 - » ICIS Pricing Restricted Content
 - » Public Ledger Restricted Content

Phân loại theo các nội dung

- ☐ ▼ Indices [11]
- ☐ ▼ Agriculturals [39]
- ☐ ▼ Chemicals [72]
- ☐ ▼ Energy [46]
- ☐ ▼ Metals [30]
- ☐ ▼ Precious Metals [15]
- ☐ ▼ Other [2]

Phân loại theo các chủ đề

- ☐ ▼ Asset Manager / Institutional [197]
- ☐ ▼ Commercial [548]
- ☐ ▼ Dealer Intermediary [198]
- ☐ ▼ Index Traders [24]
- ☐ ▼ Leveraged Funds [198]
- ☐ ▼ Managed Money [172]
- ☐ ▼ Non-Commercial [822]
- ☐ ▼ Non-Reportable [552]
- ☐ ▼ Other Reportable [369]
- ☐ ▼ Producer / Merchant / Processor / User [116]
- ☐ ▼ Swap Dealer [174]
- ☐ ▼ Total Reportable [552]
- ☐ ▼ Total [278]

Phân loại theo các chủ đề

3.1 Exotics/ Minors

- ☐ ▼ CrudeDrugs [56]
- ☐ ▼ Edible Nuts [68]
- ☐ ▼ Essential Oils [109]
- ☐ ▼ Herbs & Spices [125]
- ☐ ▼ Honey [10]
- ☐ ▼ Waxes & Gums [30]
- ☐ ▼ Exotic&Minors Others [9]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Butter [1]
- ☐ ▼ Grease [1]
- ☐ ▼ Beef [6]
- ☐ ▼ Lard [9]
- ☐ ▼ Tallow [22]

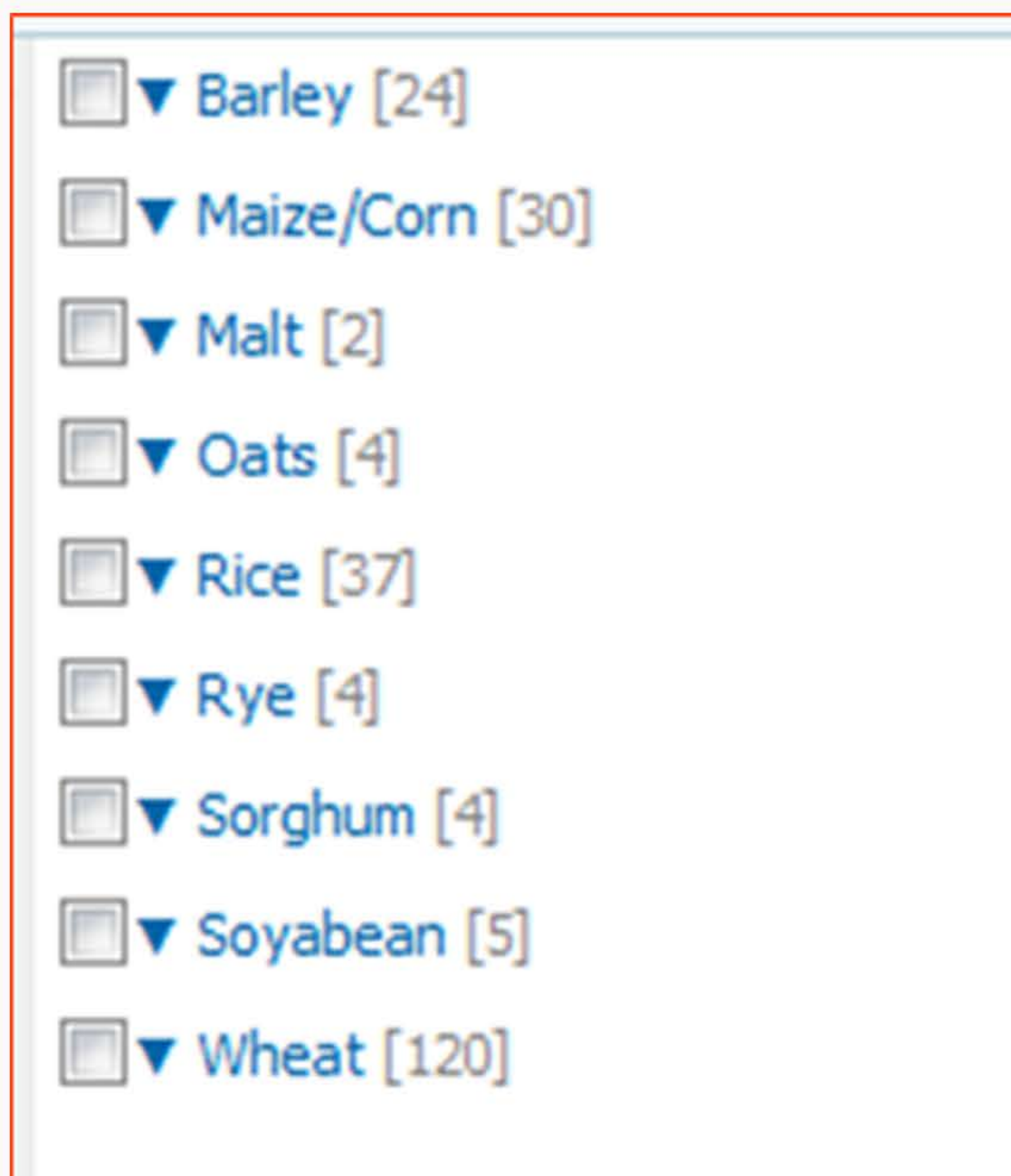
Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Citrus Pulp Pellets [4]
- ☐ ▼ Copra Meal [2]
- ☐ ▼ Cotton Meal [7]
- ☐ ▼ Fish Meal [14]
- ☐ ▼ Linseed Meal [4]
- ☐ ▼ Maize/Corn Gluten [9]
- ☐ ▼ Meat & Bone Meal [4]
- ☐ ▼ Palm Kernel Cake [5]
- ☐ ▼ Rapeseed Meal [18]
- ☐ ▼ Soyameal [31]
- ☐ ▼ Sunflower Seed Meal [12]
- ☐ ▼ Tapioca [3]
- ☐ ▼ Others Feeds [4]

Phân loại theo các nhóm



Phân loại theo các nhóm



Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Acid Oils [8]
- ☐ ▼ Castor Oil [8]
- ☐ ▼ Coconut Oil [14]
- ☐ ▼ Cottonseed Oil [13]
- ☐ ▼ Fish Oil [15]
- ☐ ▼ FOSFA [17]
- ☐ ▼ Groundnut/Peanut Oil [10]
- ☐ ▼ Linseed Oil [2]
- ☐ ▼ Maize/Corn Oil [6]
- ☐ ▼ Olive Oil [2]
- ☐ ▼ Palm Kernel Oil [13]
- ☐ ▼ Palm Oil [38]
- ☐ ▼ Rapeseed Oil [16]
- ☐ ▼ Soya Oil [28]
- ☐ ▼ Sunflower Seed Oil [17]
- ☐ ▼ Tung Oil [1]
- ☐ ▼ Others [2]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Copra [4]
- ☐ ▼ Linseed/Flax [5]
- ☐ ▼ Rapeseed/Canola [8]
- ☐ ▼ Sesame Seed [7]
- ☐ ▼ Soyabeans [19]
- ☐ ▼ Sunflower Seed [8]

Phân loại theo các nhóm

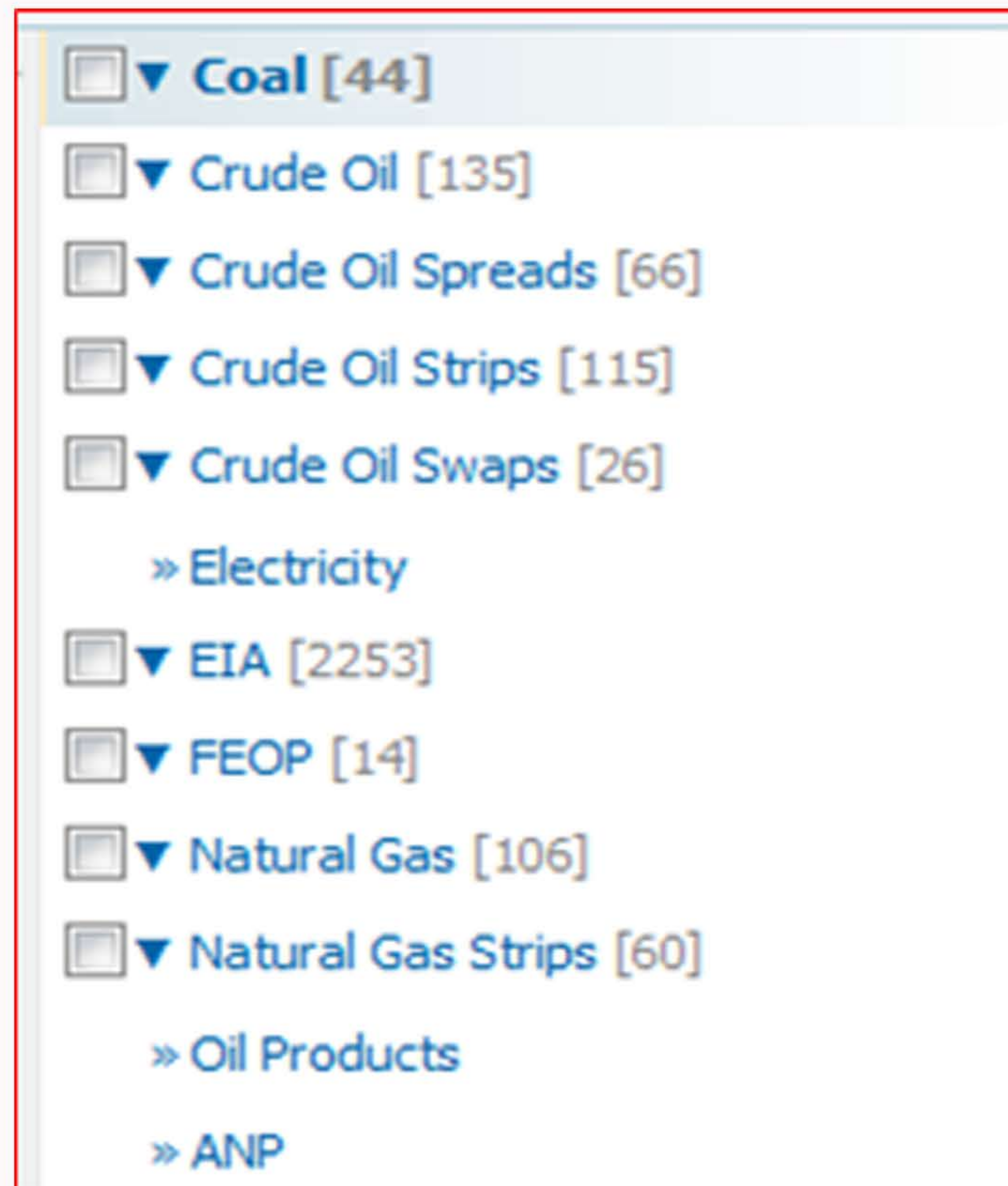
3.8 Seeds and Pulses

- ☐ ▼ Beans [8]
- ☐ ▼ Chickpeas [2]
- ☐ ▼ Lentils [5]
- ☐ ▼ Millet [2]

Phân loại theo các nhóm

- ☐ ▼ Molasses [2]
- ☐ ▼ Cocoa [72]
- ☐ ▼ Coffee [133]
- ☐ ▼ Rubber [26]
- ☐ ▼ Sugar [24]
- ☐ ▼ Tea [62]

Phân loại theo các nhóm



Phân loại theo các chủ đề

- ☐ ▼ Cotton [68]
- ☐ ▼ Other [49]
- ☐ ▼ Synthetic [15]
- ☐ ▼ Wool [14]

Phân loại theo các chủ đề

 ▼ Lumber [12] ▼ Paper [14] ▼ Pulp [28]

Phân loại theo các chủ đề

- » Asian Metal
- ☐ ▼ Metal Expert [5]
- » MYSTEEL
- ☐ ▼ Steel Business Briefing(SBB) [48]
- » London Metal Exchange
- » Non-Ferrous Primary
- » Ferro Alloys
- » Ferrous Scrap
- » Non-Ferrous Scrap
- » Non-Ferrous Foundry Ingots

Phân loại theo các chủ đề

7.1 Mysteel

- ☐ ▼ Aluminum [13]
- ☐ ▼ Coke [7]
- ☐ ▼ Copper [24]
- ☐ ▼ Iron Ore [66]
- ☐ ▼ Lead [2]
- ☐ ▼ Other Metals [50]
 - » Precious Metals
- ☐ ▼ Rare Earth [29]
- ☐ ▼ Steel [121]
- ☐ ▼ Zinc [8]

Phân loại theo các nhóm

7.2 Non – Ferrous Primary

- » Base Metals
- » Minor Metals
- » Precious Metals

Phân loại theo các nhóm

7.3 Ferro Alloys

- » Bulk Alloys
- » Noble Alloys

Phân loại theo các nhóm

7.4 Ferrous Scrap

- ☐ ▼ Indices [5]
- ☐ ▼ Iron [12]
- ☐ ▼ Steel [33]
- ☐ ▼ Steel Alloy [16]

Phân loại theo các nhóm

7.5 Non – Ferrous Scrap

- ☐ ▼ Aluminium [81]
- ☐ ▼ Aluminium Alloy [1]
- ☐ ▼ Brass [10]
- ☐ ▼ Copper [56]
- ☐ ▼ Gunmetal [3]
- ☐ ▼ Lead [12]
- ☐ ▼ Mercury [1]
- ☐ ▼ Nickel [13]
- ☐ ▼ Titanium [3]
- ☐ ▼ Zinc [13]

Phân loại theo các nhóm

7.6 Non – Ferrous Foundry Ingots

- ☐ ▼ Aluminium [14]
- ☐ ▼ Aluminium-Bronze [2]
- ☐ ▼ Brass [16]
- ☐ ▼ Brock [2]
- ☐ ▼ Gunmetal [5]
- ☐ ▼ Magnesium [2]
- ☐ ▼ Phosphor Bronze [2]
- ☐ ▼ Phosphor Copper [2]
- ☐ ▼ Zinc [2]

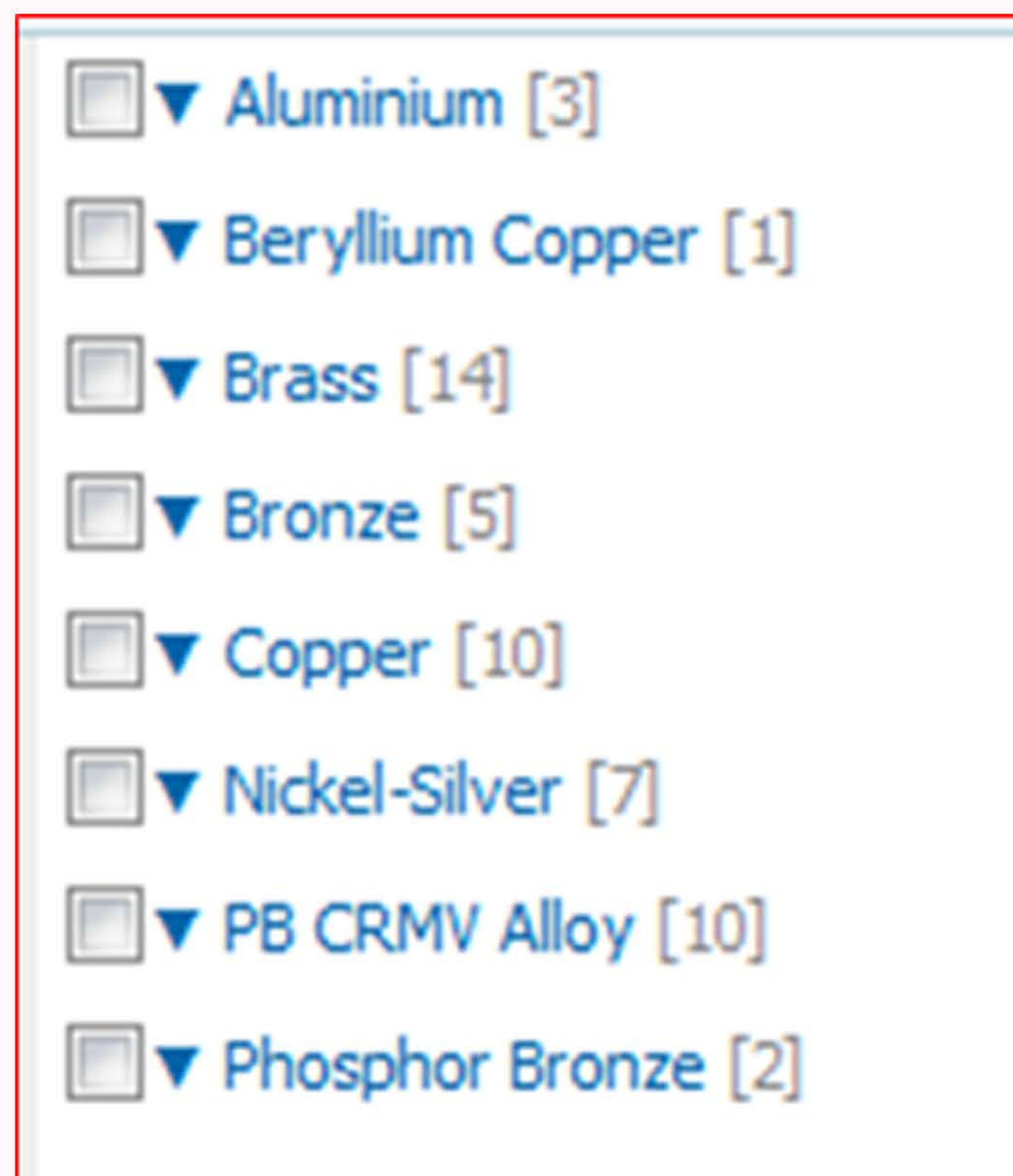
Phân loại theo các nhóm

7.7 Non – Ferrous Ores

- ☐ ▼ Alumina [5]
- ☐ ▼ Antimony [15]
- ☐ ▼ Beryl [1]
- ☐ ▼ Chromite [5]
- ☐ ▼ Columbite [1]
- ☐ ▼ Lithium [3]
- ☐ ▼ Manganese [1]
- ☐ ▼ Molybdenite [2]
- ☐ ▼ Monzite [1]

Phân loại theo các nhóm

7.8 Non – Ferrous Semis



Phân loại theo các nhóm

7.9 Precious Metals

» Gold

☐ ▼ Silver [29]

☐ ▼ Other [48]

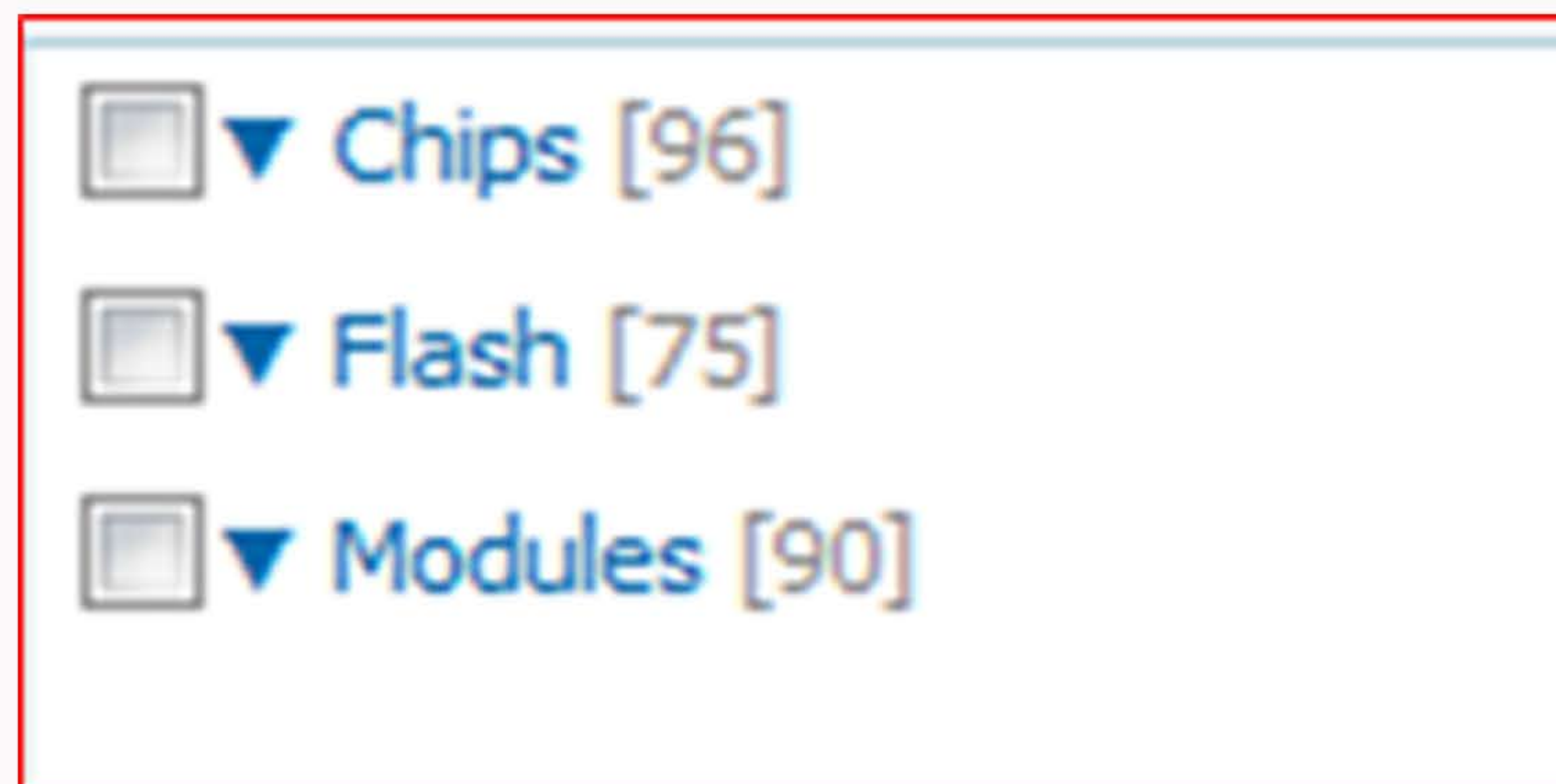
Phân loại theo các nhóm

7.10 SteelHome

- ☐ ▼ Steel Home Indices [34]
- ☐ ▼ Bulk Alloys [11]
- ☐ ▼ Noble Alloys & Ores [12]
- ☐ ▼ Pig Iron & Iron Ore [89]
- ☐ ▼ Stainless Steel [39]
- ☐ ▼ Coal [2]
- ☐ ▼ Coke [13]
- » Steel
- ☐ ▼ Others [9]

Phân loại theo các nhóm

Ngoài ra, còn một số nhóm khác như Asian metal, metal expert, steel business briefing, London metal exchange...



Phân loại theo các chủ đề

Bên cạnh đó, còn một số nội dung như Commodity indices, building materials, chemicals, environmental...

- » National Exchange Rates
- » WM/Reuters Closing Spot Rates
- » WM/Reuters Closing Forward Rates
- ☐ ▼ WM/Reuters Closing Non-Deliverable Forward Rates [390]
 - » Thomson Reuters Spot Rates
 - » Thomson Reuters Forward Rates
- ☐ ▼ Tullett Prebon Spots [48]
 - » Tullett Prebon Forwards
- ☐ ▼ Tullett Prebon Non-Deliverable Forwards [94]
- ☐ ▼ MSCI Exchange Rates [46]
 - » Currency Movements (Trade Weighted Indices)
 - » Euro Related Exchange Rates
 - » FX Option Volatilities
 - » FX OTC Options Butterflies
 - » FX OTC Options Risk Reversals
- ☐ ▼ Bank of England Spot Rates [68]

Phân loại theo các nội dung



☐	▼ Argentina	[20]
☐	▼ Australia	[28]
☐	▼ Bangladesh	[10]
☐	▼ Brazil	[38]
☐	▼ Bulgaria	[30]
☐	▼ Canada	[68]
☐	▼ Chile	[7]
☐	▼ China	[28]
☐	▼ Colombia	[2]

Ví dụ: một số kết quả

- ☐ ▼ Sterling [155]
- ☐ ▼ Dollar [165]
- ☐ ▼ Euro [140]
- ☐ ▼ Swiss Franc [90]

Được phân theo đơn vị tiền tệ

» Sterling Forward Rates

» Dollar Forward Rates

» Euro Forward Rates

» Discontinued Series

Được phân theo đơn vị tiền tệ

» FX Spot Rates Hourly Snap

☐ ▼ Sterling [76]

☐ ▼ Dollar [148]

☐ ▼ Euro [121]

Được phân theo các chủ đề

- ☐ ▼ All Forward US \$ [632]
- ☐ ▼ Australian Dollar [22]
- ☐ ▼ Bahraini Dinar [5]
- ☐ ▼ Thai Baht [5]
- ☐ ▼ Canadian Dollar [18]
- ☐ ▼ Czech Koruna [9]

Được phân theo các đơn vị tiền tệ

- ☐ ▼ Dollar [269]
- ☐ ▼ Euro [177]
- ☐ ▼ Sterling [97]
- ☐ ▼ Other [126]

Được phân theo các đơn vị tiền tệ

- ☐ ▼ Argentine Peso [5]
- ☐ ▼ Australian Dollar [15]
- ☐ ▼ Brazilian Real [7]
- ☐ ▼ Canadian Dollar [9]
- ☐ ▼ Chilean Peso [7]
- ☐ ▼ Chinese Renmimbi [7]
- ☐ ▼ Colombian Peso [5]

Được phân theo các đơn vị tiền tệ

Ngoài ra, còn có một số nội dung khác như WM/ Reuters Closing Non – Deliverable Forward Rates, Tullet Prebon Spots, Tullett Prebon Non – Deliverable Forward, MSCI Exchange Rates...

- » Interest Rates By Source
- » Key Global Lists
- » National Interest Rates
- » ICE Benchmark Administration Ltd (IBA) Interest Settlement Rates (LIBOR)
- » Benchmark Bonds
- » Eurozone
- » Interest Rate Swap (IRS)
- » Interest Rate Swaps and Zero Yields
- » Garban Information Services Eurocurrency Rates
-  ▼ Synthetic Euro Rates [4]
 - » Euro Currency Deposits

Phân loại theo các nội dung

- ☐ ▼ Overnight Money Rate [43]
- ☐ ▼ 3 Month Money Rates [41]
- ☐ ▼ Main London and New York Rates [24]
- ☐ ▼ Islamic Interbank Rates [8]
- » Eurocurrency Rates

Phân loại theo một số chủ đề

- ☐ ▼ Argentina [26]
- ☐ ▼ Australia [23]
- ☐ ▼ Austria [12]
- ☐ ▼ Bahrain [8]
- ☐ ▼ Belgium [21]
- ☐ ▼ Brazil [27]
- ☐ ▼ Bulgaria [18]

Phân loại theo quốc gia (một số kết quả)

» Non Delayed (Fee Liable)

» Delayed (Non Fee Liable)

Phân loại theo các chủ đề

3.1 Non delayed (Fee Liable)

- ☐ ▼ UK [7]
- ☐ ▼ Euro [7]
- ☐ ▼ US [7]
- ☐ ▼ Switzerland [7]
- ☐ ▼ Japan [7]

Bao gồm LIBOR phân loại theo các quốc gia

3.2 Delayed (Non Fee Liabile)

Phân loại theo các nhóm và phân loại theo quốc gia

» LIBOR
» Euro Legacy Duplicates
» Snap Time Duplicates
» BBA Legacy Discontinued

☐ ▼ France [6]
☐ ▼ Germany [6]
☐ ▼ Italy [6]
☐ ▼ Netherlands [6]
☐ ▼ Portugal [6]
☐ ▼ Spain [6]

Ví dụ: Euro Legacy Duplicates được phân theo quốc gia

- ☐ ▼ Eonia Swap Index [31]
 - » Far East Swap Rates
 - » Other Swap Rates
 - » Inflation Linked Interest Rate Swaps
 - » Interest Rate Spread Over Treasures
- ☐ ▼ ISDA Interest Rate Swaps [15]
 - » Forward Rates Agreements
 - » Overnight Index Swaps
- ☐ ▼ Currency Basis Swaps [161]

Phân loại theo một số chủ đề
(các chủ đề tiếp tục phân loại theo quốc gia hoặc đơn vị tiền tệ)

Phân loại theo quốc gia (một số kết quả) tệ

- ☐ ▼ Australia [16]
- ☐ ▼ Belgium [8]
- ☐ ▼ Canada [9]
- ☐ ▼ Denmark [9]
- ☐ ▼ European Community [17]
- ☐ ▼ Finland [16]
- ☐ ▼ France [17]

Ngoài ra, còn một số nội dung khác như Interest rates by source, benchmark bonds, Eurozone, Interest rate swap (IRS)...

☐ ▼ Major Indices & Benchmarks [32]	▲ Global Indices ▶	▲ Barclays ▶	▲ » Breakeven
Market Analysis By Source ▶	» Regional Indices	» Citigroup Inc.	☐ ▼ CDS [210]
	» Country Indices	» Datastream	☐ ▼ Discontinued Series [1]
	» Yield Curve Constant Maturities	» EuroMTS	» Euro Government
		» Exane	» Global
		» FTSE	» Sterling
		» Handelsbanken	» Other
		» HSBC Bond Indices	
		» iBoxx	
		» ICMA	
		» J.P. Morgan	
		» Markit	
		» Merrill Lynch	
		» Société Générale	
		» Standard and Poors (S&P)	
		» Thomson Reuters	
		» Other	

Abu Dhabi	Croatia	Italy	Namibia	South Korea
Argentina	Cyprus	Ivory Coast/Cote	Netherlands	Spain
Australia	Czech Republic	d'Ivoire	New Zealand	Sri Lanka
Austria	Denmark	Jamaica	Nigeria	Swaziland
Azerbaijan	Dubai	Japan	Norway	Sweden
Bahamas	Ecuador	Jersey	Oman	Switzerland
Bahrain	Egypt	Jordan	Other African	Syria
Bangladesh	El Salvador	Kazakhstan	Pakistan	Taiwan
Barbados	Estonia	Kenya	Palestinian Territories	Tanzania
Belgium	Fiji	Kuwait	Panama	Thailand
Bermuda	Finland	Laos	Papua New Guinea	Trinidad and Tobago
Bolivia	France	Latvia	Peru	Tunisia
Bosnia and	Germany	Lebanon	Philippines	Turkey
Herzegovina	Ghana	Lithuania	Poland	Uganda
Botswana	Greece	Luxembourg	Portugal	Ukraine
Brazil	Honduras	Macedonia	Qatar	United Arab Emirates
Bulgaria	Hong Kong	Malawi	Romania	United Kingdom
Canada	Hungary	Malaysia	Russia	United States
Cayman Islands	Iceland	Malta	Saudi Arabia	Venezuela
Channel Islands	India	Mauritius	Serbia	Vietnam
Chile	Indonesia	Mexico	Singapore	Virgin Islands (British)
China	Iraq	Mongolia	Slovakia	Zambia
Colombia	Ireland	Montenegro	Slovenia	Zimbabwe
Costa Rica	Israel	Morocco	South Africa	

BIS Banking Statistics	Exchange Rates	US Department of Agriculture
BIS Liquidity and Credit Statistics	ASR – Absolute Strategy Research	US DOE/EIA World Energy
BIS Residential Property Price	Blue Chip Economic Indicators	World Bank Doing Business
BIS Securities	CBI Quarterly Economic Forecast	World Bank Worldwide Governance
CPB World Trade Monitor	Citigroup Economic Surprise Indices	Indicators
European Central Bank	Citi Inflation Surprise Indices	Global Entrepreneurship Monitor
European Commission Exchange Rates	CitiFX Macro Risk Index	World Economic Forum
Eurostat	Economic Policy Uncertainty Indices	The Global Innovation Index
ILO Statistics	EIU CountryData	National Exchange Rates
IMF Financial Statistics (IFS)	EIU Overall Risk Rating	Thomson Reuters Spot Rates
IMF Direction of Trade Statistics (DOTS)	European Commission Surveys	Thomson Reuters Forward Rates
IMF Foreign Exchange Reserves (COFER)	European Commission Forecasts	Tullett Prebon Spots
IMF Coordinated Direct Investment Survey	Fathom Financial Consulting Limited	Tullett Prebon Forwards
IMF Coordinated Portfolio Investment Survey	Consensus Economics Mean Forecasts	Tullett Prebon Non-Deliverable
IMF Financial Soundness Indicators	Consensus Economics Full Forecasts	Forwards
IMF Reserves Template	IFO Institute World Economic Survey	MSCI Exchange Rates
OECD Annual National Accounts	ILO Labour Force Projections	Currency Movements
OECD Main Economic Indicators	IMF Fiscal Monitor	Euro Related Exchange Rates
OECD Monthly Statistics of International	IMF World Economic Outlook	FX Option Volatilities
Trade	ACEA European Auto & Truck	FX OTC Options Butterflies
OECD Quarterly National Accounts	Registrations	FX OTC Options Risk Reversals
The Conference Board	Baker Hughes Oil Rigs	European Banking Federation
World Bank Development Indicators (WDI)	BP World Energy	ICE Benchmark Administration LIBOR
World Bank Quarterly External Debt Statistics	EIA International Energy Statistics	ICAP
	EIA Short-Term Energy Outlook	
	IPD Restricted Content	
	JP Morgan Indices	

AGEFI	Euronext Brussels	Philippine Stock Exchange
Al-Shall Economic Consultants	Euronext Lisbon	Pictet
Alfred Berg	Euronext Paris	Prague Stock Exchange
American Stock Exchange (AMEX)	FT SE	Quito Stock Exchange (Ecuador)
Amman Stock Exchange	FT SE Actuaries	Red Star Financial
Amsterdam SE	FT SE EPRA/NAREIT	Riga Stock Exchange
Aragon	FT SE RAFI	Russell
Arese	FT SE/Singapore	S&P Citigroup
Asia BNP Paribas	FT SE/Xinhua	S&P CNX
Athens Stock Exchange	Ghana Stock Exchange	S&P/ASX
Bahrain Stock Exchange (BSE)	Global Property Research	S&P/IFC
Banca Fideuram	Goldman Sachs	S&P/TSX
Bank Leu	Hambrecht & Quist	Santiago Stock Exchange
Bank of New York	Hang Seng Bank	Sao Paulo Stock Exchange
Banque Bruxelles Lambert (BBL)	Hauck & Aufhauser	SBC
Bayerische Landesbank	Hedge Fund Research Indices	Scotia Capital
Beirut Stock Exchange	Helsinki Stock Exchange	Shanghai Stock Exchange
BEL Group	Hong Kong Stock Exchange (HKEx)	Shenzhen Stock Exchange
BEL International BV	HSBC	Singapore Exchange (SGX)
BME, Spanish Exchanges	Hypobank	SIX
BMO Nesbit Burns	iBoxx	SMAX
Bolsa De Valores de Colombia	Iceland Stock Exchange (ICEX)	Smith New Court
Bolsas y Mercados Espanoles, BME	IEIF	Standard and Poor (S&P)
Borsa Italiana	IKB Deutsche Industriebank	Stock Exchange of Mauritius (SEM)
Borża ta' Malta	IMPAX	Stock Exchange of Thailand 2
Bratislava Stock Exchange	ING Barings	STOXX
Budapest Stock Exchange	International Stock Exchange	Straits Times
Buenos Aires Stock Exchange	Intesa Sanpaolo (COMIT)	Stuttgart Stock Exchange
Bulgaria Stock Exchange	Irish Stock Exchange	National Stock Exchange of Lithuania
Bursa Malaysia	Israel Stock Exchange	New York Board of Trade (NYBOT)

Buenos Aires Stock Exchange	Intesa Sanpaolo (COMIT)	Stuttgart Stock Exchange
Bulgaria Stock Exchange	Irish Stock Exchange	National Stock Exchange of Lithuania
Bursa Malaysia	Israel Stock Exchange	New York Board of Trade (NYBOT)
Calvert	Istanbul Stock Exchange	New Zealand Exchange (NZX)
Caracas Stock Exchange	European Public Real Estate Association (EPRA)	Nigerian Stock Exchange
Carnegie	Financial Times	NIKKEI
Casablanca Stock Exchange	Finnish Stock Exchange	Nikko Cordial Securities
Cazenove Group	First Securities Trading System (PFTS)	NMX
CBS	Frankfurter Allgemeine Zeitung (FAZ)	Nomura
CDNX	FT/S&P	Norddeutsche Landes Bank
Center for International Securities and Derivatives Markets (CISDM)	Italian New Market	NYSE – New York Stock Exchange
Chicago Board of Trade (CBOT)	J.P.Morgan	Oddo
Chicago Board Options Exchange (CBOE)	Jakarta Stock Exchange	Osaka Securities Exchange
China Securities Index Company (CSI)	JASDAQ	Oslo Bors
CIBC	JSE Securities Exchange South Africa	Pacific Stock Exchange
CLSA/Market Economics	Karachi Stock Exchange	PETERCAM
CNX	Kempen SNS	Philadelphia Stock Exchange
Colombia Stock Exchange	Korea Stock Exchange	SWX Swiss Exchange
Commerzbank AG	KOSDAQ	Sydney Stock Exchange, Australia
Copenhagen Stock Exchange	Kreditbank	Talentum Sweden – Affarsvarlden
Credit Lyonnais	Kuwait Investment Company	Tallinn Stock Exchange
Credit Suisse First Boston (CSFB)	Kuwait Stock Exchange	Tel – Aviv Stock Exchange
Credit Suisse Group	KVX	Thomson Reuters
Crobex	Lima Stock Exchange	Tokyo Stock Exchange
Cyprus Stock Exchange	Lipper	Toronto Stock Exchange
Datastream	Ljubljana Stock Exchange	Tunis Stock Exchange
Datastream M&A	LPX	UBS
Denmark Stock Exchange	Luxembourg Stock Exchange	Value Line
	Macedonian SE	Vancouver Stock Exchange
		Veckans Affarer

Datastream	LPX	Value Line
Datastream M&A	Luxembourg Stock Exchange	Vancouver Stock Exchange
Denmark Stock Exchange	Macedonian SE	Veckans Affarer
Deutsche Boerse	MacQuarie Research	Warsaw Stock Exchange
Dubai Financial Market (DFM)	Makati Stock Exchange	West LB
Dhaka Stock Exchange	Mercer	WI Carr
Dow Jones	Merrill Lynch	Wiener Boerse
Dresdner Kleinwort Wasserstein	Mexican Stock Exchange	Wilshire
E.Capital	Montreal Stock Exchange	Wuest & Partner
Egypt Stock Exchange	MSCI	Zimbabwe Stock Exchange
Ellwanger & Geiger	Muscat Securities Market (Oman)	
ERI Scientific Beta	Nagoya	
Eurex	Nairobi Stock Exchange	
Eurobench	Nasdaq OMX	
Euronext	NASDAQ Stock Market	
Euronext Amsterdam		

NƠI KẾT NỐI CÁC NHÀ KHOA HỌC VÀ THỰC HIỆN CÁC NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG CAO

Mọi chi tiết liên hệ

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

info.cefr@uel.edu.vn

028-37244555 (Ext . 6671,6675)

Phòng 805A(Admin), Trường Đại học Kinh Tế - Luật
Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM

